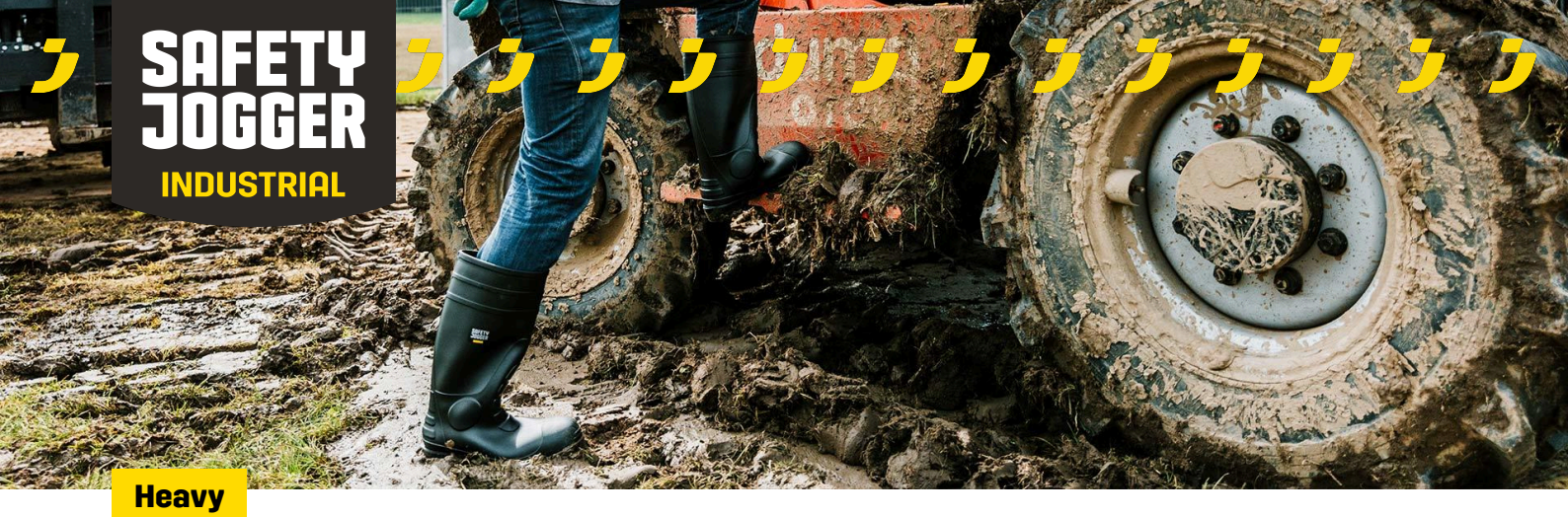


SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Heavy

HERCULES S5

Ủn g **an toàn PVC** ch ố n g **đâm thủn g cao**

Giày an toàn HERCULES S5 [illegible] **thép**. Chúng **không** thấm nư ớc , ch ố n g **mũi** và **năng** thụ **năng** l ư ợn g t ừ **gót chân** và thự c hiệ n **các** t ư th ế .

Những vật liệu **cao** cấp hơn	SJ PVC
lót bên trong	SAU ĐÓ
trong Đ	SAU ĐÓ
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	PVC
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S5 / FO
Phạm **vi kích** thước	EU 36-47 / UK 3.5-12.0 / US 4.0-13.0 JPN 22.5-31 / KOR 235-310
ng lượng t thép	1.111 kg
ẩn **hiêu** chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024



BLK

CO_2 8.77 kg



Chống nước **(WR)**
Giày **không** thấm nước **ngăn** chất ẩ [illegible] **xâm** nhập vào giày.



Mũi giày an toàn bằng **thép**
Giá đỡ [illegible] **bảo vệ** chân [illegible] **thép** hoặc [illegible] **thép**



thép
đâm thủng được **làm** bằng **thép** **không** gỉ **phủ** và **ngăn** các **xâm** nhập từ đế **ngoài**.



SRA
trong [illegible] **tính năng** [illegible] và giày SRA [illegible] **dụng** [illegible] và phòng pha loãng.



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ **năng** lượng ở **gót chân** [illegible] hoặc chạy lên cơ [illegible] mang. ười



chống **tĩnh** điện
Giày chống **tĩnh** điện **ngăn** chặn [illegible] bảo rằng **chúng** [illegible] **cách** [illegible] **ện** 100 [illegible] Ohm và 1 Giga Ohm

Công nghiệp **n:**
phục vụ ẩn uố n g, Hoá h oạc h , Xây dự n g, Khai thác m ỏ , Dầu khi, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t
b ề mặt **không** bằn g phẳn g, **môi** ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn phẳ cách nhiệ Không

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ q
Nhữ n g vật l iệu **cao** cấp h ơn	**SJ PVC**					
	Top: khả năng ướt ấm ớ h ơ	? 0.8		N/A	iờ	mg/cm/g
	Top: h nụ số ớ h ơ	? 15		N/A		mg/cm2
ót bên trong	**SAU ĐÓ**					
	L ớp lót: ướt ấm ớ h ơ	? 2		N/A	iờ	mg/cm/g
	lót: h nụ số ớ h ơ	? 20		N/A		mg/cm2
rong Đ	**SAU ĐÓ**					
ệ m chân	Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướt) (chu kỳ)	25600/12800		N/A		chu kỳ
goài Đ	**PVC**					
	Ch ố ma sát mài mòn ế ngoài (	? 150		162		mm
	Chư ố ợt trượt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31		0.36		ma sát
	rư Cột ố ợt bản - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36		0.37		ma sát
	rư Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19		N/A		ma sát
	Chư ố ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22		N/A		ma sát
	rị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000		201		megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100		N/A		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân ủ	? 20		20		J
Đ ứ n g đầ	**Thép**					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A		N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A		N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14		24.0		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14		24.0		mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi. Giày bảo hộ có thương hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản từ chúng tôi.

hân sinh thái:
Đặ

	Sự **miêu** t ả		ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ q
i **CO** **phát** thả						
	V ật l iệu			6.58		kg
	Bao bì			0.03		kg
	ất Sản x u			1.90		kg
	Chuyên ch ở			0.26		kg
				8.77 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		0%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] giày đối.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com